**Tiết PPCT: 03**

**Ngày soạn: 13/9/2020**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 11A4 | 11C5 | 11C6 |
| Ngày dạy |  |  |  |

**Bài 2: XU HƯỚNG TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA KINH TẾ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hóa và hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế

- Trình bày được biểu hiện của khu vực hóa kinh tế và hệ quả của khu vực hóa kinh tế

**2. Kĩ năng:**

- Phân tích số liệu, tư liệu để nhận biết quy mô, vai trò quốc tế của các liên kết kinh tế khu vực: số lượng các nước thành viên, số dân, GDP.

- Sử dụng bản đồ Thế giới để nhận biết phạm vi của các liên kết kinh tế khu vực: Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), Hiệp ước tự do Bắc Mĩ (NAFTA), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Liên minh châu Âu (EU), Thị trường chung Nam Mĩ (MERCOUR).

**3. Thái độ:**

Nhận thức được sự tác động của toàn cầu hóa đến nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam

**4. Năng lực**

- Năng lực giải quyết vấn đề; năng lực hợp tác; năng lực ứng dụng CNTT.

- Năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng các số liệu thống kê; sử dụng lược đồ.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Đối với giáo viên:**

- Hình ảnh một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực

- Máy chiếu và các phương tiện khác

**2. Đối với học sinh:**

- Thực hiện các công việc đã được giao

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1. Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

Trình bày những điểm tương phản về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước phát triển và đang phát triển

**3. Các hoạt động học tập:**

**A. Đặt vấn đề/ Khởi động/ Tình huống xuất phát**

*Bước 1: Giao nhiệm vụ*

Gv yêu cầu HS thảo luận và trả lời các câu hỏi:

- Em biết gì về chính sách bế quan tỏa cảng? Tác động của chính sách này tới kinht ế Việt Nam thời bấy giờ?

- Hiện nay, chính sách kinh tế của Việt Nam đã thay đổi như thế nào? Tại sao lại có sự thay đổi như vậy?

*Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ và ghi ra giấy nháp để chuẩn bị báo cáo*

*Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả*

GV gọi 01 HS báo cáo, các HS khác bổ sung thêm

*Bước 4: Đánh giá*

GV nhận xét và đánh giá phần trả lời của HS GV dẫn dắt vào vấn đề toàn cầu hóa

**B. Hình thành kiến thức/ kĩ năng mới**

* **Hoạt động 1. Tìm hiểu về xu hướng toàn cầu hóa**

**1. Mục tiêu:**

Biết được các biểu hiện của toàn cầu hóa

**2. Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

Phương pháp thảo luận nhóm;

**3. Phương tiện:**

**4. Tiến trình hoạt động:**

***Bước 1:*** *Giao nhiệm vụ*

GV nêu nguyên nhân của toàn cầu hóa

GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm

Nhiệm vụ: Hãy nêu các ví dụ để thấy rõ các biểu hiện của toàn cầu hóa, liên hệ với Việt Nam.

***Bước 2:***Học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS trong nhóm trao đổi để trả lời câu hỏi.

***Bước 3:***Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

Đại diện các nhóm trình bày trước lớp

***Bước 4:*** *Đánh giá*

Gv nhận xét phần trình bày của các nhóm và kết luận từng biểu hiện của toàn cầu hóa

|  |
| --- |
| **Nội dung chính**  **I. Xu hướng toàn cầu hóa.** - Là quá trình liên kết các quốc gia về kinh tế, văn hóa, khoa học,… Trong đó toàn cầu hoá kinh tế có tác động mạnh mẽ nhất đến mọi mặt của nền kinh tế - xã hội thế  giới.  ***1. Toàn cầu hóa về kinh tế*** *a. Thương mại phát triển: b. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh: c. Thị trường tài chính mở rộng: d. Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng lớn* |

* **Hoạt động 2. Tìm hiểu hệ quả của toàn cầu hóa**

**1. Mục tiêu:**

Hiểu và trình bày được hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế

**2. Phương pháp/kĩ thuật dạy học**: Thảo luận theo cặp

**3. Phương tiện:**

Một số hình ảnh liên quan

**4. Tiến trình hoạt động**:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên và học sinh | Nội dung chính |
| GV đặt câu hỏi: Đọc mục II SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân hãy cho biết toàn cầu hóa đã mang lại những thời cơ nào? Tạo sao một số nước trên thế giới biểu tình chống toàn cầu hóa?  - Việt Nam cần có những hành động nào để tiếp cận toàn cầu hóa hiệu quả nhất?  Hai HS cùng bàn trao đổi để trả lời câu hỏi. Một HS đại diện trả lời trước lớp. Các HS khác cho nhận xét, bổ sung.  GV nhận xét và chuẩn kiến thức | ***2. Hệ quả của việc toàn cầu hoá***  - Tích cực: thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng trưởng kinh tế, đầu tư, tăng cường hợp tác quốc tế. - Thách thức: gia tăng khoảng cách giàu nghèo; cạnh tranh giữa các nước. |

* **Hoạt động 3. Tìm hiểu xu hướng khu vực hóa kinh tế và hệ quả của nó**

**1. Mục tiêu:**

Trình bày được biểu hiện của khu vực hóa kinh tế và hệ quả của khu vực hóa kinh tế

**2. Phương thức:** Cá nhân

Phương tiện: phiếu học tập

**3. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên và học sinh | Nội dung chính |
| - Hãy kể tên một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực mà em biết.  - giáo viên tổ chức cho HS tham gia một trò chơi nhỏ.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Tên tổ chức | Năm thành lập | Các nước và vùng lãnh thổ thành viên | Số dân | GDP | | NAFTA | 1994 |  |  |  | | EU | 1957 |  |  |  | | ASEAN | 1967 |  |  |  | | APEC | 1989 |  |  |  | | MERCOSUR | 1991 |  |  |  |   HS dành thời gian nghiên cứu nội dung bảng 2. Sau đó lên hoàn thành bảng  Hướng dẫn. điền số lượng thành viên. Sắp xếp số dân và GDP từ vị trí cao đến thấp( thể hiện từ 1 đến 6)  - Liên hệ về mối quan hệ của Việt Nam trong tổ chức ASEAN. Giải thích vì sao VN phải gia nhập ASEAN. Từ đó nêu nguyên nhân hình thành các tổ chức liên kết kinh tế khu vực.  *Mở rộng: có nhiều tổ chức không có vị trí địa lí gần nhau vẫn có thể liên kết với nhau. Vd: G7 gồm Anh, Hoa Kì, Nhật Bản, Mỹ, Đức, Canada, Ý*  GV đặt câu hỏi: Việt Nam tham gia tổ chức ASEAN có những thuận lợi và thách thức nào?  Từ câu trả lời của HS, GV nêu lên hệ quả của khu vực hóa kinh tế | **1. Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực** - Nguyên nhân: do phát triển không đều và sức ép cạnh tranh trên thế giới, những quốc gia tương đồng về văn hóa, xã hội, địa lí hoặc có chung mục tiêu, lợi ích. - Các tổ chức liên kết khu vực: AFTA, EU, ASEAN, APEC…  **2. Hệ quả của khu vực hóa kinh tế** - Tích cực: vừa hợp tác vừa cạnh tranh tạo nên sự tăng trưởng kinh tế, tăng tự do thương mại, đầu tư, bảo vệ lợi ích KT các nước thành viên; tạo những thị trường rộng lớn, tăng cường toàn cầu hóa kinh tế. - Thách thức: quan tâm giải quyết vấn đề như chủ quyền kinh tế, quyền lực quốc gia. |

1. **Luyện tập/ Củng cố**

1. Mục tiêu: Rèn luyện kĩ năng sử dụng bản đồ cho HS

2. Phương thức: hoạt động cá nhân

3. Tổ chức hoạt động:

*Bước 1: Giao nhiệm vụ*

Xác định trên bản đồ thế giới một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực.

*Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ*

*Bước 3: Đánh giá*

GV chuẩn kiến thức

**D. Vận dụng/ Bài tập về nhà**

*1. Mục tiêu:* Giúp học sinh vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học vào một vấn đề cụ thể của thực tiễn về toàn cầu hóa, khu vực hóa

*2. Nội dung:*

- Giáo viên hướng dẫn học sinh tự đặt vấn đề để liên hệ hoặc vận dụng

- Trường hợp học sinh không tìm được vấn đề để liên hệ hoặc vận dụng, giáo viên có thể yêu cầu tìm hiểu những thời cơ và thách thức của Việt Nam khi tham gia vào toàn cầu hóa

*3. Đánh giá:* Giáo viên khuyến khích, động viên các học sinh làm bài và nhận xét sản phẩm của học sinh

**Phụ lục**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên tổ chức** | **Năm thành lập** | **Các nước và vùng lãnh thổ thành viên** | **Số dân**  **(triệu người)** | **GDP**  **(Tỉ USD)\** |
| **NAFTA** | 1994 | 3 | 4 | 2 |
| **EU** | 1957 | 27 (nay 26) | 3 | 3 |
| **ASEAN** | 1967 | 10 | 2 | 4 |
| **APEC** | 1989 | 20 | 1 | 1 |
| **MERCOSUR** | 1991 | 4 | 5 | 5 |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU GIỜ DẠY**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết PPCT: 04**

**Ngày soạn: 13/9/2020**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 11A4 | 11C5 | 11C6 |
| Ngày dạy |  |  |  |

**Tự chọn 2: KỸ NĂNG NHẬN DẠNG BIỂU ĐỒ**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Sau bài học, HS cần:

**1. Kiến thức:**

- Biết cách nhận dạng biểu đồ.

**2. Kĩ năng:**

- Xác định được các loại biểu đồ cần vẽ thông qua bảng số liệu và yêu cầu của đề bài.

**3. Thái độ:**

- Tầm quan trọng của kĩ năng địa lí trong học tập cũng như trong đời sống.

**4. Năng lực**

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp,năng lực hợp tác…

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực tổng hợp lãnh thổ, năng lực định hướng không gian, sử dụng biểu đồ, bản đồ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị sẵn một số bảng số liệu: vẽ các dạng biểu đồ.

- Vở thực hành địa lí lớp 11.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

***1. Ổn định lớp:***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

*3. Vào bài mới:*

* Hoạt động 1. Nhận dạng biểu đồ

- Thời gian: 25 phút

- Phương pháp: hoạt động nhóm

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| ***Bước 1:***  - Dựa vào kiến thức đã học cho biết biểu đồ thể hiện chức năng gì?  - Cơ sở, dấu hiệu nào để nhận dạng biểu đồ?  Chia lớp thành 5 nhóm, tìm hiểu về dấu hiệu nhận dạng biểu đồ  Nhóm 1. Biểu đồ cột  Nhóm 2. Biểu đồ đường  Nhóm 3. Biểu đồ tròn  Nhóm 4. Biểu đồ Miền  Nhóm 5. Biểu đồ kết hợp  Theo các tiêu chí sau: từ khóa, thời gian, đối tượng, đơn vị.  ***Bước 2:*** HS trả lời, các HS khác bổ sung.  ***Bước 3:*** GV chuẩn kiến thức. | **I. Chức năng biểu đồ**   |  |  | | --- | --- | | **Biểu đồ** | **Chức năng** | | **Cột** | Quy mô, độ lớn, tương quan, tình hình phát triển | | **Đường** | Động thái phát triển, biến động theo thời gian | | **Tròn** | Quy mô, cơ cấu, chuyển dịch cơ cấu, động thái phát triển | | **Miền** | Sự chuyển dịch cơ cấu, động thái phát triển | | **Kết hợp** | Vừa thể hiện độ lớn, vừa thể hiện động thái phát triển. |   **II. Cơ sở nhận dạng**  - Dựa vào bảng số liệu  - Dựa vào câu hỏi  - Dựa vào chức năng của biểu đồ  **III. Dấu hiệu nhận dạng**  Phụ lục 1 |

* Hoạt động 2. Luyện tập

- Thời gian: 15 phút

- Phương pháp: hoạt động nhóm

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| ***Bước 1:***  - Cho học sinh quan sát bảng số liệu, câu hỏi, thảo luận theo cặp, chọn câu trả lời hợp lí nhất.  Bước 2. Hs trả lời  Bước 3. Gv chuẩn | Phụ lục 2 |

**IV. TỔNG KẾT**

**1. Củng cố**

**Chọn đáp án đúng**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**SỐ KHÁCH DU LỊCH VÀ CHI TIÊU KHÁCH DU LỊCH Ở CHÂU Á NĂM 2014**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Số khách du lịch đến**  *(nghìn lượt người)* | **Chi tiêu của khách du lịch**  *(triệu USD)* |
| Đông Nam Á | 97262 | 70578 |
| Tây Nam Á | 93016 | 94255 |
| Đông Á | 125966 | 219931 |

*(Trích số liệu từ quyển số liệu thống kê về Việt Nam và thế giới – NXB Giáo Dục năm 2017)*

1. Biểu đồ nào sau đây thể hiện khách du lịch và chi tiêu của khách du lịch ở một số khu vực châu Á năm 2014?

A. Miền. B. Cột chồng. C. Cột đơn. D. Cột ghép.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

TỔNG DỰ TRỮ QUỐC TẾ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2010 VÀ 2015 (Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Trung Quốc** | **Nhật Bản** | **Thái Lan** | **Việt Nam** |
| 2010 | 286,6 | 106,1 | 167,5 | 12,5 |
| 2015 | 334,5 | 120,7 | 151,3 | 28,3 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

1. Biểu đồ nào sau đây thể hiện tổng dự trữ quốc tế của một số quốc gia năm 2010 và 2015?

A. Miền. B. Cột ghép. C. Cột đơn. D. Đường

**Câu 1. Cho bảng số liệu: Dân số và sản lượng lúa của nước ta giai đoạn 1981 - 2015**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1981** | **1990** | **1996** | **1999** | **2004** | **2015** |
| **Số dân (triệu người)** | **54,9** | **66,2** | **75,4** | **76,3** | **82,0** | **91,7** |
| Sản lượng lúa (triệu tấn) | 12,4 | 19,2 | 26,4 | 31,4 | 35,8 | 45,2 |

Dựa vào bảng số liệu,

1. Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sản lượng lúa nước ta giai đoạn 1981-2015 là

1. Tròn. B. Cột đơn. C. Cột ghép. D. Đường.

2. Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện dân số nước ta giai đoạn 1981-2015 là

1. Tròn. B. Cột đơn. C. Cột ghép. D. Đường.

3. Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện năng suất lúa nước ta giai đoạn 1981-2015 là

1. Tròn. B. Cột đơn. C. Cột ghép. D. Đường.

4. Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng dân số và sản lượng lúa nước ta giai đoạn 1981-2015 là

1. Tròn. B. Cột đơn. C. Cột ghép. D. Đường.

5. Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện dân số và sản lượng lúa nước ta giai đoạn 1981-2015 là

1. Tròn. B. Cột đơn. C. Kết hợp. D. Đường.

**2. Phụ lục.**

**Phụ lục 1. Dấu hiệu nhận dạng biểu đồ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Biểu đồ | | Từ khóa  (sau từ thể hiện trong câu hỏi) | Đối tượng  (Bảng số liệu) | Đơn vị | T.gian  (câu hỏi) |
| Cột | Cột đơn | - Giá trị  - Tình hình phát triển  - Sản lượng, diện tích… | 1 | Tuyệt đối (triệu người, tỉ USD…) |  |
| Cột ghép |  |
| Cột chồng |  |
| Miền | | - Cơ cấu  - Sự chuyển dịch cơ cấu.  - Sự thay đổi cơ cấu. |  | % |  |
| Tròn | | - Quy mô, Cơ cấu  - Sự chuyển dịch cơ cấu, sự thay đổi cơ cấu, cơ cấu |  | % |  |
| Đường | | Tốc độ tăng trưởng |  | % |  |
| Kết hợp (cột đường) | | Tình hình | 2 đối tượng, 2 đơn vị khác nhau | -Tuyệt đối – tương đối.(tỉ usd - %)  -Tuyệt đối - tuyệt đối  (Tỉ USD – USD/người) |  |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU GIỜ DẠY**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................